

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HS-ST
Ngày: 27-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Minh Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lương Thị Kim Vân.
2. Ông Phạm Phước Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Kim Xoa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/HSST-QĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn T**, sinh ngày 1967.; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Trần Văn R, sinh năm 1925 (chết) và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1930 (chết); Vợ tên: Lê Thị N, sinh năm: 1970 (đã ly thân); Có 01 con, sinh năm 2002; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị khởi tố nhưng cho tại ngoại (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

* Người bào chữa cho bị cáo là bà **Lê Hồng D** - Trợ giúp viên pháp lý nhà nước tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

**** Người bị hại:***

1. **Võ Văn S**, sinh năm 1978. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. **Lê Thị U**, sinh năm 1983. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

** Người làm chứng:*

1. **Bùi Hữu P**, sinh ngày 1984. (vắng mặt)

2. **Phạm Thị Thu B**, sinh năm 1965. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C tỉnh Đồng Tháp.

3. **Lê Thị T**, sinh năm 1984. (vắng mặt)

4. **Hà Văn H**, sinh năm 1957. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm M, thị trấn T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Trần Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 20-12-2018, Trần Văn T đi bộ trên đường quốc lộ 30, khi đến tiệm sửa xe của anh Võ Văn S thuộc ấp A, xã B, huyện C phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Majesty, loại Wave màu xanh dương, biển số 66F1-455.01 của anh S đang đậu trước cửa tiệm, thấy không có người trông coi nên lén lút dẫn xe của anh S về nhà của T cách hiện trường khoảng 300 mét cất giấu trong nhà .

Sau khi cất giấu xong, bị cáo T tiếp tục đi bộ đến nhà Lê Thị T thuộc tổ A, khóm M, thị trấn T, huyện C, phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Air blade màu đỏ, biển số 66N7 - 4293 của chị Lê Thị U đang đậu cặp mé đường, không có người trông coi nên T lén lút đến dẫn xe đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khi T dẫn xe được khoảng 400 mét thì bị chị U đi tìm và phát hiện nên truy hô cùng người dân bắt giữ T sau đó báo Công an thị trấn T, huyện C đến lập biên bản phạm tội quả tang lúc 19 giờ 30 phút cùng ngày. Tang vật thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Air blade màu đỏ, biển số 66N7-4293. Kiểm tra trong cốp xe thu giữ: Số tiền 8.000.000 đồng; 02 chỉ vàng SJC 24K 9999; 02 vòng kiềng vàng 24K T lượng 02 chỉ; 02 đôi bông tai vàng 24K T lượng 02 chỉ 01 phân 04 ly. Vàng 18K gồm: 02 vòng đeo tay, 02 nhẫn cưới, 01 nhẫn trơn; 01 đôi bông tai; 01 dây chuyền; 01 chiếc nhẫn nhỏ. Tổng T lượng 02 chỉ 09 phân 04 ly. Tất cả số vàng được niêm phong bảo quản trong phong bì thư màu trắng.

Đối với xe anh S, sau khi phát hiện mất trộm xe anh S cùng với Bùi Hữu P đi tìm thì phát hiện xe của anh S được cất giấu trong nhà của bị cáo T nên trình báo Công an xã B, huyện C đến tiến hành lập biên bản thu giữ xe sau đó hồ sơ cùng vật chứng được chuyển đến Công an huyện Cao Lãnh xử lý theo thẩm quyền.

Ngày 26/12/2019, Cơ quan điều tra Công an huyện Cao Lãnh tiến hành lập biên bản mở niêm phong, kiểm tra số lượng vàng được thu giữ tiến hành trưng cầu giám định. Đến ngày 14/01/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tiến hành định giá và kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Majesty, loại

Wave màu xanh dương, biển số 66F1 - 455.01 trị giá 5.000.000 đồng; xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Air blade màu đỏ, biển số 66N7 - 4293 trị giá 25.000.000 đồng.

- 02 chỉ vàng SJC 24k 9999 trị giá: 7.300.000 đồng

- Vàng 24K có tổng T lượng 04 chỉ 01 phân 04 ly (gồm 02 vòng kiềng, 02 đôi bông tai) trị giá 13.248.000 đồng.

- Vàng 18K có tổng T lượng 02 chỉ 09 phân 4ly (gồm 04 chiếc nhẫn; 01 sợi dây chuyền; 01 đôi bông tai; 02 chiếc vòng) trị giá 6.615.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị can trộm được là 65.163.000 đồng.

Hiện các tài sản trên đã trả lại cho các bị hại xong. Không còn ai yêu gì thêm.

Tại bản giám định pháp y về tâm thần số 56/2019/KL-GĐTC ngày 02/4/2019 đối với bị cáo Trần Văn T kết luận:

- Về y học: Trước, trong, sau khi phạm tội và hiện tại: Đương sự có bệnh lý tâm thần: Rối loạn nhân cách, hành vi do sử dụng rượu (F10.71-ICD10)

- Về năng lực: Tại thời điểm phạm tội và hiện tại: Đương sự hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi do bệnh lý tâm thần. Không cần áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

Trong quá trình điều tra, Trần Văn T đã thành thật khai báo hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị can phù hợp với lời khai của người liên quan, người làm chứng, cùng các chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số 28/CT-VKSHCL ngày 01/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh đã truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Vị đại diện Viện kiểm sát huyện Cao Lãnh thực hiện quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, đã đưa ra những chứng cứ, lý lẽ kết tội đối với bị cáo. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, căn cứ nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về tội danh: Căn cứ Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

+ Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm q, s khoản 1, 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt: Bị cáo Trần Văn T từ 02 năm đến 03 năm tù.

+ Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp và gia đình khó khăn nên nhận thấy không áp dụng khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

+ Về trách nhiệm dân sự và về vật chứng: Đã xử lý xong.

- Bị cáo T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Bản Cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát. Tại phiên tòa, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn T - bà Lê Hồng D trình bày: Bà D thống nhất với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều khoản của tội danh áp dụng đối với bị cáo Trần Văn T. Tại phiên tòa, bị cáo T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là phù hợp với nội dung của Bản Cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát. Chính bị cáo đã có hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác. Vì vậy, việc xét xử bị cáo ngày hôm nay là phù hợp, nhằm răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương cấp sổ hộ cận nghèo, chưa có tiền án, tiền sự, tài sản mà bị cáo trộm cũng đã được trả lại cho người bị hại, đồng thời bị cáo có bệnh lý về tâm thần do bị cáo nghiện rượu nặng, đây là những tình tiết giảm nhẹ. Do đó, Bà D đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ nói trên để giảm nhẹ cho bị cáo một phần về hình phạt, tuyên bị cáo mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cao Lãnh, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện Cao Lãnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, mọi hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trần Văn T đã thừa nhận hành vi phạm tội được mô tả trong Bản Cáo trạng số 28/CT-VKSHCL ngày 01/7/2019 của Viện kiểm sát huyện Cao Lãnh là đúng với hành vi của bị cáo. Chính bị cáo đã lén lút trộm cắp tài sản của Võ Văn S ngụ ấp A, xã B, huyện C 01 Xe mô tô nhãn hiệu Majesty, loại Wave màu xanh dương, biển số 66F1 - 455.01 trị giá 5.000.000 đồng và của chị Lê Thị U ngụ khóm M, thị trấn T, huyện C 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Air blade màu đỏ, biển số 66N7 - 4293 trị giá

25.000.000 đồng, số tiền 8.000.000đồng; 02 chỉ vàng SJC vàng 24K; 02 vòng kiềng vàng 24K; 02 đôi bông tai vàng 24K; 02 vòng đeo tay vàng 18K, 02 nhẫn cưới vàng 18K, 01 nhẫn vàng 18K; 01 đôi bông tai vàng 18K; 01 dây chuyền vàng 18K; 01 chiếc nhẫn vàng 18K, thì bị bắt quả tang vào lúc 20 giờ 15 phút ngày 20/12/2019. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt được là 65.163.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã nhiều lần trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật, gây mất trật tự trị an tại địa phương.

Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Biên bản và kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử kết luận, hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn T đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như sau:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

.....

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.

[2] Xét hành vi của bị cáo Trần Văn T, khi thực hiện tội phạm, bị cáo là người đã trên 18 tuổi, có khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của mình và có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định. Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì lòng tham, muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài cho thỏa thích bản thân mà không phải bỏ công sức lao động như bao nhiêu người lao động lương thiện trong xã hội nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu trên, chứng tỏ hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý và tội phạm đã hoàn thành.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chẳng những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương nơi xảy ra vụ án. Do vậy, đối với bị cáo cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt, có ý thức chấp hành pháp luật, đồng thời có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau:

Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại thời điểm phạm tội bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi do bệnh lý tâm thần, được chính quyền địa phương cấp sổ hộ cận nghèo. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần về hình phạt.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong ngày 20/12/2018 bị cáo thực hiện liên tục 02 vụ trộm, mỗi vụ tài sản chiếm đoạt trị giá trên 2.000.000đồng, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên”. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự để xem xét về mức hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đã xử lý xong trong giai đoạn điều tra. Người bị hại không còn yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp và gia đình khó khăn nên nhận thấy không áp dụng khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về án phí: Bị cáo Trần Văn T thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát huyện Cao Lãnh về tội danh, khung hình phạt của tội danh, mức hình phạt, hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự, vật chứng. Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[10] Xét lời phát biểu của người bào chữa cho bị cáo Trần Văn T phát biểu quan điểm thống nhất với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều khoản của tội danh áp dụng đối với bị cáo T. Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ để giảm nhẹ cho bị cáo một phần về hình phạt, tuyên bị cáo mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát. Tuy nhiên, khi thực hiện tội phạm, bị cáo là người đã trên 18 tuổi, mặc dù bị cáo có bệnh lý tâm thần nhưng bị cáo có khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của mình và có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định. Bị cáo đã thực hiện hành vi trộm tài sản có giá trị lớn (65.163.000 đồng). Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương nơi xảy ra vụ án. Do đó, Hội đồng xét thấy cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Vì vậy, lời trình bày của người bào chữa cho bị cáo là cơ sở, nên chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Trần Văn T** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Xử phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Văn T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

4. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn T thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKS Tỉnh, Huyện;
- Tòa án Tỉnh;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- Công an Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lưu Minh Tú